

Bản án số: **40** /2022/HSST
Ngày: 20 - 7 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Thùy**.
Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông **Nguyễn Ngọc Hai**.
2/ Bà **Lê Thị Thu Hương**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thức** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tuyết Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến giữa điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận và điểm cầu thành phần là Nhà tạm giữ Công an quận Phú Nhuận vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2022/TLST – HS ngày 15/6/2022 đối với các bị cáo:

1. VŨ VĂN D (B); giới tính: nam; sinh năm 1986 tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 372/3 Đường L, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 372/2 Đường C, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Vũ Văn P; Con bà: Nguyễn Thị T (chết); Hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 31/10/2002: bị TAND quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Tiền án – tiền sự: Ngày 20/1/2005, bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 28/11/2007, bị TAND quận N xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 12/5/2014 bị TAND quận N xử phạt 03 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 11/7/2018, bị TAND quận

N xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/3/2022 (có mặt).

2. NGUYỄN ĐỨC H, giới tính: nam; sinh năm 1975 tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 125/39 Đường V, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Văn K (chết); Con bà: Đỗ Thị N (chết); Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 1997.

Nhân thân: ngày 11/9/1995, bị TAND Quận T xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 16/2/1998, bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”.

Tiền án - tiền sự: Ngày 09/5/2001, bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”; Ngày 24/7/2001, Tòa án nhân dân Tối Cao xét xử phúc thẩm tuyên y án; Ngày 21/3/2013, bị TAND Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/5/2019, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/3/2022 (có mặt).

*** Người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 15/34 Đường B, Phường Y, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 76/68 Đường H, Phường Y, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 195B số 184 Đường H, Phường X, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: 86/115C Đường K, Phường S, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1951(vắng mặt).

Địa chỉ: 414/10 (số cũ 46/10) Đường V, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 16/2/2022, ông Nguyễn Văn D đến Công an Phường Y, quận N trình báo sự việc ngày 16/2/2022 tại nhà ông số 15/34 Đường B, Phường Y, quận N xảy ra sự việc mất trộm 02 chiếc xe gắn máy gồm 01 xe hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, biển số 75G1 – 165.23 và 01 xe hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 75G1 – 207.63.

Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 19/2/2022, bà Nguyễn Thị Ánh D đến Công an Phường Y, quận N trình báo sự việc ngày 19/2/2022 tại nhà bà số 76/68 Đường H, Phường Y, quận N xảy ra việc mất trộm 01 xe gắn máy hiệu Honda SH màu đen, biển số 54H3 – 4878.

Qua truy xét, ngày 02/3/2022, trinh sát hình sự Công an quận N phối hợp trinh sát hình sự Công an Quận T tuần tra đến trước nhà số 243/1 Đường D, Phường E, Quận T thì phát hiện Vũ Văn D và Nguyễn Đức H có biểu hiện nghi vấn nên mời về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N, Vũ Văn D khai nhận đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản tại quận Phú Nhuận như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 16/2/2022, Vũ Văn D mượn xe hiệu Yamaha Nouvo màu trắng, biển số 54N9 - 3712 của Nguyễn Đức H để đi làm rồi D đi đến bãi xe Bệnh viện M trên đường X, quận N gửi xe. Sau đó, D mở cốp xe lấy 01 tua vít màu đen dài khoảng 15cm đi bộ vào các hẻm nhỏ gần đó để tìm nhà nào sơ hở thì đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà số 15/34 Đường B, Phường Y, quận N, D dùng tay lùa mở cửa sổ căn nhà trên rồi dùng tua vít mang theo mở ốc và tháo khung sắt cửa sổ ra để trên sa lon ở phía trong nhà cạnh cửa sổ. D leo cửa sổ vào trong nhà lấy chùm chìa khóa nhà đang để trên tủ tivi ở tầng trệt rồi lấy chìa khóa mở cửa trước nhưng không được nên D mở cửa sau và để chùm chìa khóa nhà lại trên kệ bếp. Sau đó, D nhìn thấy xe Honda Vision màu đỏ biển số 75G1 - 207.63 và chìa khóa xe gắn máy trong hộc bàn ăn ở bếp nên lấy mở khóa xe và dắt xe ra cửa sau, khép cửa sau lại và điều khiển xe Vision về để ở hẻm trước nhà số 29/84/5 Đường G, Phường M, quận N và khóa cổ xe lại. Sau đó, D tiếp tục đi bộ quay lại nhà này lấy trộm thêm 01 xe hiệu Honda Balade biển số 75G1 – 165.23 (xe này chìa khóa xe cắm sẵn trên cổ xe và xe đang để tại phòng khách tầng trệt của căn nhà). Sau khi lấy được xe, D khép cửa sau lại rồi điều khiển xe Honda Balade gửi vào bãi xe Bệnh viện Q quận V. Sau đó, D đón xe ôm trở lại nơi D để xe Honda Vision rồi điều khiển xe này về để bên hông nhà của Nguyễn Đức H rồi giao xe và chìa khóa trên cho H và nói: “xe này em mới đi làm về được”, H trả lời D: “Để anh kiểm đầu ra” và H đi kiểm người bán. Do H chưa tìm được người mua xe nên D gọi điện cho Tí (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ tìm người mua xe, Tí nói có bạn là C (không rõ nhân thân, lai lịch) đồng ý mua xe Honda Vision với giá 4.500.000 đồng. D đồng ý bán nên hẹn nơi giao nhận xe và tiền là khu vực chợ C Quận T, Tp. Hồ Chí Minh. D nói H mang xe Honda Vision đến khu vực chợ C đưa

cho C lấy 4.500.000 đồng về thì H đồng ý. Sau khi giao xe và nhận tiền thì D cho H 1.000.000 đồng tiền công.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, D đi xe ôm đến bãi xe Bệnh viện Q lấy xe Honda Blade biển số 75G1 - 165.23 chạy đến để tại ngoài hẻm số 469/100/1 Đường V, Quận T rồi đến nhà H gọi H và nói: “xe này chung với xe Vision buổi sáng”. Sau đó, D gọi lại cho Tí thỏa thuận bán xe này với giá 4.000.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ, D đem xe giao cho Tí nhận tiền rồi tiêu xài cá nhân, không chia tiền cho H.

Vụ thứ 2: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 19/2/2022, Vũ Văn D tiếp tục mượn xe mô tô của Nguyễn Đức H chạy đến bãi giữ xe Bệnh viện M trên đường X, quận N gửi rồi đi bộ vào hẻm tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến nhà số 76/68 đường Đường H, Phường Y, quận N, D dùng tay lừa mở cửa sổ, thấy cửa sổ có khung sắt gắn ốc vít nên D đi ra hẻm gần đó tìm 01 cây tua vít dài khoảng 20cm tại xe ve chai rồi quay trở lại nhà trên dùng tua vít vặn mở khung ốc và lấy khung sắt cửa sổ ra. D leo cửa sổ vào trong nhà và để tua vít ở trên đầu tủ gần cửa sổ, D đi đến bàn thờ tầng trệt lấy chìa khóa nhà mở cửa kính trước nhà, bên ngoài cửa kính có cửa kéo không khóa. Nhìn thấy xe Honda SH biển số 54H3 – 4878, D dắt xe ra ngoài thì bị ngã xe, trong nhà có tiếng tri hô, D liền dựng xe lên chạy thoát về Quận T và để ở hẻm gần nhà H rồi gọi H ra giao xe và chìa khóa xe cho H. D nói với H “em mới đi làm được chiếc xe này ở bên quận N” thì H nói “để đó đi để anh thay biển số”. Sợ Công an phát hiện nên H thay biển số khác. Sau đó, D và H mở cốp xe lên kiểm tra thì biết xe này đời 2009 rồi H đi lấy áo mưa trùm xe lại. D nhờ H tìm nơi bán xe thì H bảo “Để đó đi anh kiểm dùm cho”. Đến khoảng 20 giờ do H chưa kiếm được người thì D lại gọi cho Tí để thỏa thuận bán xe. Khoảng nửa tiếng sau, Tí đi cùng một thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đến và mang xe SH đi. Đến 8 giờ ngày 20/2/2022, Tí đem xe Hoda SH trên để lại chỗ cũ bên hông nhà H. Sau đó, D và Tí gọi điện thỏa thuận bán xe giá là 21.000.000 đồng. Tí hẹn địa điểm giao xe và nhận tiền tại chợ C, Quận T. Lúc này D đưa điện thoại cho H để H nói chuyện với Tí. H nói Tí chạy xe xuống khu vực đường T gần hãng đường để giao xe và nhận tiền. Đến 14 giờ cùng ngày, D giao xe cho H để H đi gặp Tí giao xe và nhận tiền. H mang xe đến địa điểm đã hẹn giao xe cho C vì C và Tí cùng mua xe nên C đưa trước cho H số tiền 6.000.000 đồng, số còn lại sẽ chuyển vào tài khoản cho D. Sau đó, H mang tiền về cho D và hỏi số tài khoản để C chuyển số tiền còn lại thì D nói không có nên H đến điểm hẹn gặp C lấy trực tiếp. Vụ này H được D chia cho số tiền 2.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đức H khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên mặc dù biết rõ 02 chiếc xe do Vũ Văn D trộm cắp được tại quận N nhưng H không đi khai báo công an mà có hành vi giúp sức cho D tiêu thụ trót lọt 02 chiếc xe gồm Honda Vision biển số 75G1 – 207.63 và Honda SH biển số 54H3 – 4878. H được D chia cho số tiền 3.500.000 đồng. Trước khi mang xe đi bán thì H có tháo biển số

xe Honda SH và cặp kính chiếu hậu của xe mô tô hiệu Honda Vision cất tại nhà của H tại Quận T. Ngày 04/3/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N khám xét khẩn cấp tại nhà của H số 125/39 đường Đường V, Phường A, Quận N đã thu giữ 01 biển số xe 54H3 – 4878 và 02 kính chiếu hậu như H đã khai nhận.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận ngày 04/3/2022 kết luận trị giá của xe gắn máy hiệu Honda Blade biển số 75G1 – 165.23 là 12.000.000 đồng; trị giá của xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 75G1 – 207.63 là 12.000.000 đồng; trị giá của xe gắn máy hiệu Honda SH đời 2009 biển số 54H3 – 4878 là 62.000.000 đồng. Tổng số tài sản bị cáo D trộm cắp được là 86.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 04 chiếc điện thoại di động; 02 xe gắn máy; quần áo, tua vít, biển số xe ...

Tại bản cáo trạng số 30/CT – VKS.PN ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố bị cáo Vũ Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn D H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu và kết luận cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

1. Đối với bị cáo D: Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

2. Đối với bị cáo H: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Văn D phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 84.000.000 đồng, trong đó: phải bồi thường cho ông D số tiền 10.000.000 đồng; bà Th số tiền 12.000.000 đồng và ông H số tiền là 62.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy những vật không còn giá trị sử dụng như áo, quần, tua vít, biển số xe, gương chiếu hậu..

- Trả lại cho bị cáo H 03 điện thoại di động gồm: 02 hiệu ITEL và 01 hiệu Iphone đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của bị cáo D.

- Cho đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hợp pháp của 02 chiếc xe gắn máy gồm 01 hiệu honda Wave biển số 54V2 – 8812 và 01 hiệu Yamaha Nouvo biển số 54N9 - 3712, nếu không ai đến nhận thì 02 chiếc xe trên được tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 3.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, C điện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với camera trích xuất tại hiện trường, phù hợp với tang vật chứng thu giữ là biển số xe, gương xe còn lưu giữ tại nhà bị cáo H; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Đối với bị cáo Vũ Văn D: Vào các ngày 16/2/2022 và 19/2/2022, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt được 03 chiếc xe gắn máy gồm: 01 hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 75G1 - 207.63 của bà Nguyễn Thị Thanh Th; 01 hiệu Honda Balade biển số 75G1 – 165.23 của ông Nguyễn Văn D tại địa chỉ 15/34 Đường B, Phường Y, quận N và 01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 54H3 – 4878 của ông Nguyễn Hoàng H tại địa chỉ 76/68 Đường H, Phường Y, Quận N. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm

và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 86.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người có nhiều tiền án do ngày 20/1/2005, bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 28/11/2007, bị TAND quận N xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 12/5/2014 bị TAND quận N xử phạt 03 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 11/7/2018, bị TAND quận N xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2021(Theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 727/GCN của Trại giam Huy Khiêm), chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức H: Bị cáo mặc dù biết rõ những tài sản bị cáo D có được là do phạm tội mà có nhưng bị cáo đã tìm kiếm đầu ra, tức là đi tiêu thụ cho D những tài sản này. Bị cáo đã trực tiếp 02 lần mang xe ra giao cho đối tượng tên Tí (không rõ lai lịch) và mang tiền về đưa lại cho D. Sau 02 lần thực hiện giao dịch này bị cáo được D chia lại cho số tiền 3.500.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo cũng là người có nhiều tiền án, do ngày 16/12/1998 bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; Ngày 09/5/2001, bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”; Ngày 24/7/2001, Tòa án nhân dân Tối Cao xét xử phúc thẩm tuyên y án; Ngày 21/3/2013, bị TAND Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo tiếp tục thuộc tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D thực hiện liên tiếp 02 vụ Trộm cắp tài sản vào các ngày 16/2/2022 và 19/2/2022; Bị cáo H cũng 02 lần tìm nguồn để tiêu thụ tài sản do D phạm tội mà có nên cả 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và đảm bảo công tác phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với tài sản bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại là 03 xe gắn máy gồm: 01 hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 75G1 - 207.63 của bà Nguyễn Thị Thanh Th; 01 hiệu Honda Balade biển số 75G1 - 165.23 của ông Nguyễn Văn D và 01 hiệu Honda SH biển số 54H3 - 4878 của ông Nguyễn Hoàng H hiện không thu hồi được. Quá trình điều tra, bà Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại cho bà số tiền 12.000.000 đồng, ông D yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 10.000.000 đồng, ông H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Th và ông D có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên ý kiến như trong quá trình điều tra. Ông H chỉ yêu cầu bị cáo D phải bồi thường lại cho ông số tiền là 62.000.000 đồng. Bị cáo D đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện và thỏa thuận của các bên, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo D phải bồi thường cho các người bị hại gồm: bà Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 12.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng và ông Nguyễn Hoàng H số tiền 62.000.000 đồng.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) tua vít tay cầm bằng nhựa màu đen vàng dài khoảng 30cm đã qua sử dụng; 01 (một) tua vít bằng kim loại có một đầu dẹp, một đầu lục giác dài khoảng 15cm có cán màu đen bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 quần Jean dài màu đen hiệu Gouci đã qua sử dụng; 01 áo thu ngắn tay màu xanh có chữ Rock Nature đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác dài tay màu xanh rêu đã qua sử dụng; 01 (một) biển số xe gắn máy có số 54H3 - 4878 đã qua sử dụng; 02(hai) kính chiếu hậu xe gắn máy màu đen đã qua sử dụng là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 xe gắn máy gồm:

+ 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đen biển số 54V2 - 8812, số khung: RLHHC12398Y65946, số máy: HC12E2019223 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác minh xác định xe này do bà Trần Thị N đứng tên chủ sở hữu. Bà N khai chiếc xe này bà đã đem cầm cố cho người khác (không rõ nhân thân lai lịch).

Bị cáo H khai đây là xe bị cáo đã cầm của người đàn ông tên Hải (không rõ nhân thân lai lịch).

+ 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Nouvo màu trắng biển số 54N9 – 3712, số khung: RLCN5P110Y137265, số máy: 5P11137266 đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác minh không xác định được ai là chủ sở hữu chiếc xe. Bị cáo H khai xe này của bà Đỗ Thị Ph (không rõ nhân thân lai lịch) tặng cho H và H cho D mượn. Việc D sử dụng làm phương tiện trộm cắp thì H không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy 02 chiếc xe này có nguồn gốc nhưng chưa xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp cuối cùng nên cho thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 03 (ba) tháng nếu không có ai là chủ sở hữu hợp pháp đến nhận thì 02 chiếc xe trên được tịch thu sung vào công quỹ Nhà Nước.

- Đối với 04 điện thoại di động gồm:

+ 01 điện thoại hiệu Oppo màu vàng thu giữ của bị cáo D. Bị cáo khai điện thoại này bị cáo dùng để liên hệ với Tí giao dịch mua bán xe do trộm cắp được mà có. Xét đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ 03 điện thoại di động gồm: 01 hiệu Iphone màu vàng; 01 hiệu Itel màu xanh và 01 hiệu Itel màu đỏ thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H, bị cáo khai dùng để làm phương tiện liên lạc cá nhân, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng bị cáo H được hưởng lợi do bị cáo D chia cho sau mỗi lần bán được xe. Đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo H phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với các đối tượng tên Tí, C là những người mua lại xe do bị cáo D phạm tội mà có hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D (B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có”.

[2]. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn D (B) 05 (năm) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2022.

[3]. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức H 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2022.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Vũ Văn D bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn D bồi thường cho ông Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn D bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng H số tiền 62.000.000 (Sáu mươi hai) triệu đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) tua vít tay cầm bằng nhựa màu đen vàng dài khoảng 30cm đã qua sử dụng;

+ 01 (một) tua vít bằng kim loại có một đầu dẹp, một đầu lục giác dài khoảng 15cm có cán màu đen bằng nhựa đã qua sử dụng;

+ 01 (một) quần Jean dài màu đen hiệu Gouci đã qua sử dụng;

+ 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh có chữ Rock Nature đã qua sử dụng;

+ 01 (một) áo khoác dài tay màu xanh rêu đã qua sử dụng;

+ 01 (một) biển số xe gắn máy có số 54H3 – 4878 đã qua sử dụng;

+ 02 (hai) kính chiếu hậu xe gắn máy màu đen hiệu Gia Đạt đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Oppo màu vàng đã qua sử dụng có số Imei 1:86023038297577, số imei2: 862023038297569.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 03 điện thoại di động gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng có số imei: 354434061942259.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ đã qua sử dụng số imei: 358625103154789.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel màu xanh đã qua sử dụng số imei: 354376100026109.

Cho thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 03 (ba) tháng nếu không có ai là chủ sở hữu hợp pháp đến nhận 02 chiếc xe gắn máy gồm: 01 xe gắn máy hiệu honda Wave màu đen biển số 54V2 – 8812, số khung: RLHHC12398Y65946, số máy: HC12E2019223 đã qua sử dụng và 01 xe gắn máy

hiệu Yamaha Nouvo màu trắng biển số 54N9 – 3712, số khung: RLCN5P110Y137265, số máy: 5P11137266 đã qua sử dụng thì 02 chiếc xe trên được tịch thu sung vào công quỹ Nhà Nước.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh).

- Buộc bị cáo Nguyễn Đức H nộp lại số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Vũ Văn D và Nguyễn D H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

[7]. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo và ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q. Phú Nhuận;
- Thi hành án Q. Phú Nhuận;
- Công an Q. Phú Nhuận;
- P.PC27-CATP;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Thùy